

Số: 370/QĐ-PVTM

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

CỤC TRƯỞNG CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định 3823/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Cục Phòng vệ thương mại (Phụ lục chi tiết đính kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KH, TC và QLDN (để b/c);
- Công thông tin điện tử Cục PVTM;
- Bảng tin Cục PVTM;
- Trung tâm Thông tin và Cảnh báo;
- Lưu: VT, VP.

CỤC TRƯỞNG



Lương Hoàng Thái

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
Chương 016

PHỤ LỤC CÔNG KHAI GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số **370** /QĐ-PVTM ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Cục Phòng vệ thương mại)

Đơn vị: Cục Phòng vệ thương mại
Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch: KBNN Khu vực I - Mã số 0011
Mã số SDNS của đơn vị: 1131523

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	KBNN Khu vực I
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí</u>		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	<u>Số giao kinh phí ngân sách năm 2026</u>	35.527.000.000	35.527.000.000
	Trong đó - Kinh phí thực hiện tự chủ	10.772.000.000	10.772.000.000
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	24.755.000.000	24.755.000.000
	- Kinh phí nghiên cứu KHCN	-	-
	<u>Chi tiết theo loại khoản</u>		
1	<u>Các hoạt động kinh tế</u>	7.440.000.000	7.440.000.000
	Kinh phí thực hiện tự chủ		
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	7.440.000.000	7.440.000.000
2	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.087.000.000	28.087.000.000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	10.772.000.000	10.772.000.000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	17.315.000.000	17.315.000.000

Ghi chú

Nguồn KP Loại khoản Dự toán

Các hoạt động kinh tế, bao gồm:

Kinh phí triển khai Đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại” theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2020	12	280-321	1.000.000.000
Kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực về PVTM trong bối cảnh tham gia các FTA thế hệ mới" (Quyết định 1659/QĐ-TTg)	12	280-321	500.000.0000
Kinh phí triển khai Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ (Quyết định số 824/QĐ-TTg)	12	280-321	800.000.000
Kinh phí triển khai Đề án Tổng thể về việc đề nghị các nước công nhận Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế thị trường trong các vụ việc phòng vệ thương mại giai đoạn 2026-2030	12	280-321	500.000.000

Kinh phí triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao nội lực và khả năng thích ứng của các ngành sản xuất trước những biến động của kinh tế thế giới và các quy định phòng vệ thương mại năm 2026	12	280-321	1.200.000.000
--	----	---------	---------------

Kinh phí hoạt động thường xuyên (TT Thông tin và Cảnh báo)	12	280-321	828.000.000
--	----	---------	-------------

Nhiệm vụ/Đề án giao thực hiện không tự chủ (TT Thông tin và Cảnh báo)	12	280-321	2.500.000.000
---	----	---------	---------------

Quỹ tiền thưởng (TT Thông tin và Cảnh báo)	12	280-321	112.000.000
--	----	---------	-------------

Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể

Kinh phí đoàn ra, đoàn vào	12	340-341	4.800.000.000
----------------------------	----	---------	---------------

Kinh phí giao thực hiện không tự chủ khác (mua sắm, sửa chữa, hội nghị hội thảo....)	12	340-341	12.000.000.000
--	----	---------	----------------

Quỹ lương và định mức chi thường xuyên	13	340-341	10.772.000.000
--	----	---------	----------------

Quỹ tiền thưởng	12	340-341	515.000.000
-----------------	----	---------	-------------

